

Ngày 28 tháng 03 năm 2024



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương

Mã chứng khoán: BDG

Trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3755 143 **Fax:** 0274.3755 415

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Thị Thanh Thủy

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán (Báo cáo hợp nhất)
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28 tháng 03 năm 2024 tại đường dẫn <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ

LÊ THỊ THANH THỦY

CÔNG TY CP MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /CBTT-2024

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

- Mã chứng khoán: **BDG**
- Địa chỉ: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0274.3755 143 Fax: 0274.3755 415
- Email: thuy.ltt@protrade.com.vn
- Website: <http://www.protradegarment.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Năm 2023
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/03/2024 tại đường dẫn: <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm trước

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT



LÊ THỊ THANH THỦY



V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được
kiểm toán giảm 44% so với năm trước

Thuận An, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty đăng ký giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0274.3755143

Fax: 0274.3755415

Email: thuy.ltt@protrade.com.vn

- Mã chứng khoán: **BDG**

- Căn cứ Thông tư 196/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.

❖ Công ty giải trình về mức giảm lợi nhuận sau thuế so với năm trước như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2023 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Tăng/giảm	
				Số tiền (đồng)	%
1	Lợi nhuận sau thuế	122.561.311.925	217.734.357.055	-95.173.045.130	-44%

❖ Nguyên nhân chính làm giảm lợi nhuận của công ty so với năm trước chủ yếu như sau:

Năm 2023, ngành dệt may vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn bởi những yếu tố bất ổn về kinh tế - chính trị thế giới, kéo theo lạm phát tăng cao, siết chặt chi tiêu của người tiêu dùng từ các thị trường xuất khẩu lớn. Điều này khiến cho các đơn hàng xuất khẩu trong năm 2023 sụt giảm. Cụ thể doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 18% so với năm 2022.

❖ Một số chỉ tiêu biến động lớn so với năm trước như sau:

Stt	Khoản mục	Năm 2023 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Tăng/giảm (đồng)	Ghi chú
1	Doanh thu thuần về bán hàng	1.559.925.137.801	1.893.597.747.277	-333.672.609.476	Thị trường xuất khẩu sụt giảm, dẫn đến giảm sản lượng xuất hàng
2	Giá vốn hàng bán	1.293.751.936.222	1.540.094.560.748	-246.342.624.526	Giảm sản lượng bán hàng
3	Doanh thu tài chính	43.257.347.169	68.002.341.640	-24.744.994.471	Giảm lãi chênh lệch tỷ giá và giảm phần lãi chênh lệch giá trị hợp lý và giá trị theo



Stt	Khoản mục	Năm 2023 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	Tăng/giảm (đồng)	Ghi chú
					phương pháp VCSH của khoản đầu tư phát sinh từ trước ngày đạt quyền kiểm soát Công ty con – Công ty CP Phát triển Thời Trang (31/03/2022)
4	Chi phí tài chính	35.982.525.942	52.491.181.203	-16.508.655.261	Giảm lỗ chênh lệch tỷ giá
5	Chi phí bán hàng	19.846.457.680	28.771.865.239	-8.925.407.559	Giảm chi phí xuất hàng theo hình thức LDP
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	96.647.787.314	67.927.628.096	28.720.159.218	Năm 2023, không phát sinh hoàn nhập dự phòng tiền lương và tăng khoản thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty
7	Thu nhập khác	8.322.902.684	10.866.433.570	-2.543.530.886	Giảm thu từ thanh lý tài sản
8	Chi phí khác	6.846.247.986	3.510.183.709	3.336.064.277	Tăng các khoản nộp quyết toán thuế để thực hiện giải thể tại Công ty con – Công ty CP Protrade Laundry
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.308.102.363	54.581.163.573	-22.273.061.210	Từ các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận trước thuế giảm

Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương giải trình nguyên nhân giảm lợi nhuận như trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THÀNH ĐỨC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thành Đức	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Quân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng ban	
Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

Kiểm toán viên

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		762.014.891.824	802.131.446.097
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	69.598.955.414	167.291.649.573
111	1. Tiền		69.598.955.414	167.291.649.573
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	166.744.272.248	119.594.791.699
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		166.744.272.248	119.594.791.699
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		222.761.345.790	194.021.006.719
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	210.899.208.203	185.701.960.998
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	5.091.815.541	3.953.403.716
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	7.101.865.220	4.609.435.179
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(331.543.174)	(243.793.174)
140	IV. Hàng tồn kho	9	257.014.934.641	274.884.195.795
141	1. Hàng tồn kho		257.014.934.641	274.884.195.795
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		45.895.383.731	46.339.802.311
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.707.839.765	3.126.775.738
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		42.981.173.737	35.910.812.573
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	206.370.229	7.302.214.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		249.693.595.113	282.834.889.190
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		401.733.066	407.733.066
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	401.733.066	407.733.066
220	II. Tài sản cố định		196.143.972.823	225.084.147.747
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	194.744.507.438	223.652.719.142
222	- Nguyên giá		512.534.834.858	518.712.576.609
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(317.790.327.420)	(295.059.857.467)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.399.465.385	1.431.428.605
228	- Nguyên giá		9.414.714.111	8.988.029.711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.015.248.726)	(7.556.601.106)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		210.649.100	619.617.400
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		210.649.100	619.617.400
260	VI. Tài sản dài hạn khác		52.937.240.124	56.723.390.977
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	34.594.132.994	36.156.876.922
269	2. Lợi thế thương mại	13	18.343.107.130	20.566.514.055
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.011.708.486.937	1.084.966.335.287

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		464.813.993.284	557.648.875.830
310	I. Nợ ngắn hạn		371.344.800.413	433.740.701.181
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	131.499.125.452	141.740.002.828
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	17.191.971.013	45.995.566.070
314	3. Phải trả người lao động		81.138.037.872	74.006.302.839
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	551.751.772	536.402.487
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.117.896.127	4.999.302.874
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	133.843.189.327	161.449.378.479
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.002.828.850	5.013.745.604
330	II. Nợ dài hạn		93.469.192.871	123.908.174.649
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	71.422.178.558	105.422.178.558
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32	22.047.014.313	18.485.996.091
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		546.894.493.653	527.317.459.457
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	546.894.493.653	527.317.459.457
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		247.999.200.000	247.999.200.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		247.999.200.000	247.999.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(1.135.037.967)	(1.135.037.967)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		59.369.394.731	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		220.108.953.996	257.214.754.162
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		95.027.882.467	30.907.119.598
421b	LNST chưa phân phối năm nay		125.081.071.529	226.307.634.564
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		20.421.648.634	23.108.209.003
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.011.708.486.937	1.084.966.335.287

Người lập

Nguyễn Minh Thùy

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Thùy

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.565.802.348.007	1.893.992.071.077
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	5.877.210.206	394.323.800
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.559.925.137.801	1.893.597.747.277
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.293.751.936.222	1.540.094.560.748
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		266.173.201.579	353.503.186.529
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	43.257.347.169	68.002.341.640
22	7. Chi phí tài chính	25	35.982.525.942	52.491.181.203
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.051.343.034	16.140.684.263
24	8. Phần lãi/ lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	26	-	1.598.499
25	9. Chi phí bán hàng	27	19.846.457.680	28.771.865.239
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	96.647.787.314	67.927.628.096
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		156.953.777.812	272.316.452.130
31	12. Thu nhập khác	29	8.322.902.684	10.866.433.570
32	13. Chi phí khác	30	6.846.247.986	3.510.183.709
40	14. Lợi nhuận khác		1.476.654.698	7.356.249.861
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		158.430.432.510	279.672.701.991
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	32.308.102.363	54.581.163.573
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	3.561.018.222	7.357.181.363
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		122.561.311.925	217.734.357.055
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		123.382.071.529	226.307.634.564
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(820.759.604)	(8.573.277.509)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	4.975	8.567

Người lập

Nguyễn Minh Thùy

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Thùy

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		158.430.432.510	279.672.701.991
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		38.015.014.972	34.568.998.454
03	- Các khoản dự phòng		87.750.000	243.793.174
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.682.374.620	5.623.866.818
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.250.273.564)	(19.037.062.511)
06	- Chi phí lãi vay		17.051.343.034	16.140.684.263
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(862.952.134)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		206.016.641.572	316.350.030.055
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(26.488.282.089)	28.888.250.541
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		17.869.261.154	52.928.139.815
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.750.189.513)	(10.524.302.100)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.981.679.901	(1.774.235.815)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.120.849.470)	(15.850.073.888)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(62.606.904.093)	(11.940.103.528)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.863.775.524)	(9.898.336.193)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		102.037.581.938	348.179.368.887
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.444.967.909)	(41.631.362.250)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		441.978.587	4.090.009.022
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(119.329.980.549)	(134.909.791.699)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		72.180.500.000	132.697.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.291.000.000)	2.854.690.446
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.319.526.136	5.829.691.624
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(63.123.943.735)	(31.069.262.857)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.331.435.944.206	1.641.533.446.994
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.393.550.552.235)	(1.792.987.679.505)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(74.394.997.650)	(30.000.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(136.509.605.679)</i>	<i>(181.454.232.511)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(97.595.967.476)	135.655.873.519
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		167.291.649.573	34.488.184.772
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(96.726.683)	(2.852.408.718)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>69.598.955.414</u>	<u>167.291.649.573</u>

Người lập

Nguyễn Minh Thùy

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Thùy

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 247.999.200.000 đồng; tương đương 24.799.920 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất:

Từ cuối quý IV/2022, tình hình kinh tế – chính trị thế giới bất ngờ gặp hàng loạt các vấn đề như: Chiến tranh Nga – Ukraine vẫn căng thẳng, tăng trưởng kinh tế suy giảm, lạm phát tăng cao, cùng với đó là việc siết chặt chi tiêu từ người tiêu dùng. Điều này khiến cho các đơn hàng xuất khẩu giảm, kết quả kinh doanh trong năm 2023 của Công ty cũng giảm so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm nay đạt 1.559,9 tỷ đồng, giảm 333,67 tỷ đồng (tương đương mức giảm 17,6 %) so với năm trước, lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 158,4 tỷ đồng, giảm 121,2 tỷ đồng (tương đương mức giảm 43,35%) so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Protrade Laundry ⁽¹⁾	Tỉnh Bình Dương	99,80%	99,80%	May mặc
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang ⁽²⁾	Tỉnh Bình Dương	76,08%	76,08%	Wash

⁽¹⁾ Căn cứ tờ trình số 13/TTr-TGD ngày 15/01/2021 về hoạt động của Công ty Cổ phần Protrade Laundry (Công ty con), Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương đã thống nhất đóng cửa Công ty Cổ phần Protrade Laundry chậm nhất là ngày 30/06/2022 theo Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 22/01/2021. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo quy định hiện hành.

Công ty Cổ phần Protrade Laundry đang tiến hành hoàn tất các thủ tục cần thiết liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải quyết các nghĩa vụ và quyền lợi theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi chấm dứt hoạt động, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương sẽ kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ (nếu có) của Công ty Cổ phần Protrade Laundry theo giá trị sổ sách, do đó Công ty không tiến hành đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn;

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2023, do đó toàn bộ các khoản nợ phải thu được trình bày ngắn hạn. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản công nợ phải thu đó.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2023, do đó việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của hàng tồn kho.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2023, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do già định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2023, do đó toàn bộ các khoản nợ phải trả được trình bày ngắn hạn.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí thuê nhà xưởng, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.
Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- c) Ưu đãi thuế tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang
Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6823227811 chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 02 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương - Ban Quản lý các KCN Bình Dương cấp, công ty được hưởng ưu đãi về địa bàn ưu đãi đầu tư như sau: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 04 (bốn) năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới.
Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp Công ty không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu. Năm 2023 là năm thứ năm Công ty có doanh thu từ dự án đầu tư.
- d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty mẹ và các Công ty con được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:
- Tại Công ty mẹ: hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.
 - Tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang: hiện đang được miễn thuế đối với hoạt động từ dự án đầu tư và đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động còn lại.
 - Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry: được áp dụng theo mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong suốt thời gian thực hiện dự án theo giấy phép cấp ngày 08/07/2002.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	273.424.055	449.976.167
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.325.531.359	166.841.673.406
	69.598.955.414	167.291.649.573

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	166.744.272.248	-	119.594.791.699	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	166.744.272.248	-	119.594.791.699	-
	166.744.272.248	-	119.594.791.699	-

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4%/ năm đến 8,8%/ năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị là 48.534.272.248 đồng. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 14).

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân ⁽²⁾	-	-	13,19	-	-	13,19
	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>	<u>-</u>	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

⁽²⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 đồng do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tại thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên khác				
- Rcrv Inc Dbá Rock Revival	85.599.444.400	-	74.616.190.659	-
- Victory 2020, LLC (DBA Miss Me)	43.429.090.377	-	48.421.972.886	-
- Olymp Bezner Kg Hopfighemer	31.952.656.057	-	40.887.549.087	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	49.918.017.369	-	21.776.248.366	-
	210.899.208.203	-	185.701.960.998	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên khác				
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Dịch vụ Tiến Phát Tài	-	-	2.409.645.230	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Và Du lịch Sài Gòn Sông Bé	111.782.922	-	611.296.043	-
- Gerber Scientific International Co., Ltd	-	-	154.580.640	-
- Công ty TNHH PCCC Thanh Tùng	3.660.371.640	-	132.654.240	-
- Trả trước các đối tượng khác	1.319.660.979	(87.750.000)	645.227.563	-
	5.091.815.541	(87.750.000)	3.953.403.716	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về tạm ứng	406.630.068	-	600.257.427	-
- Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	15.600.000	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.017.250.622	-	985.082.595	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	5.355.432.554	-	1.864.160.627	-
- Phải thu khác	302.551.976	(243.793.174)	1.144.334.530	(243.793.174)
	7.101.865.220	(243.793.174)	4.609.435.179	(243.793.174)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	401.733.066	-	407.733.066	-
	401.733.066	-	407.733.066	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Nam Việt	123.343.174	-	123.343.174	-
+ Các đối tượng khác	208.200.000	-	208.200.000	87.750.000
	331.543.174	-	331.543.174	87.750.000

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	21.306.197.277	-	13.605.739.192	-
Nguyên liệu, vật liệu	97.532.393.503	-	121.700.200.824	-
Công cụ, dụng cụ	2.882.540.926	-	2.785.855.156	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	110.704.749.324	-	121.387.154.178	-
Thành phẩm	14.459.623.139	-	8.723.388.740	-
Hàng hoá	3.364.072	-	9.900.757	-
Hàng gửi đi bán	10.126.066.400	-	6.671.956.948	-
	257.014.934.641	-	274.884.195.795	-

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm bổ sung các khoản vay là toàn bộ giá trị hàng hóa tồn kho luân chuyển của Công ty tại thời điểm 31/12/2023. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh 14).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	130.097.826.347	318.429.449.712	48.126.921.734	12.282.454.561	9.775.924.255	518.712.576.609
- Mua trong năm	-	726.121.000	1.189.768.182	-	-	1.915.889.182
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.610.176.359	901.186.268	-	-	-	4.511.362.627
- Thanh lý, nhượng bán	(88.730.617)	(10.943.164.912)	(1.573.098.031)	-	-	(12.604.993.560)
Số dư cuối năm	133.619.272.089	309.113.592.068	47.743.591.885	12.282.454.561	9.775.924.255	512.534.834.858
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	65.009.439.710	193.849.670.149	22.890.438.094	11.419.837.033	1.890.472.481	295.059.857.467
- Khấu hao trong năm	5.270.957.914	25.172.567.846	3.787.404.897	511.193.289	590.836.481	35.332.960.427
- Thanh lý, nhượng bán	(88.730.617)	(10.943.164.912)	(1.570.594.945)	-	-	(12.602.490.474)
- Phân loại lại	-	-	(1.894.354.284)	-	1.894.354.284	-
Số dư cuối năm	70.191.667.007	208.079.073.083	23.212.893.762	11.931.030.322	4.375.663.246	317.790.327.420
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	65.088.386.637	124.579.779.563	25.236.483.640	862.617.528	7.885.451.774	223.652.719.142
Tại ngày cuối năm	63.427.605.082	101.034.518.985	24.530.698.123	351.424.239	5.400.261.009	194.744.507.438

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 84.784.620.660 VND

(*) Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2023, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2023. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Protrade Laundry đã thanh lý toàn bộ tài sản cố định hữu hình để hoàn tất thủ tục giải thể theo Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 22/01/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	530.000.000	8.458.029.711	8.988.029.711
- Mua trong năm	-	426.684.400	426.684.400
Số dư cuối năm	530.000.000	8.884.714.111	9.414.714.111
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	530.000.000	7.026.601.106	7.556.601.106
- Khấu hao trong năm	-	458.647.620	458.647.620
Số dư cuối năm	530.000.000	7.485.248.726	8.015.248.726
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	1.431.428.605	1.431.428.605
Tại ngày cuối năm	-	1.399.465.385	1.399.465.385

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 565.055.000 đồng.

(*) Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2023, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2023. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 là 35.055.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.027.503.019	2.565.901.362
- Chi phí bảo hiểm tài sản	404.719.410	329.955.195
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	275.617.336	230.919.181
	2.707.839.765	3.126.775.738
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.119.355.750	1.624.237.548
- Chi phí tiền thuê đất (*)	33.360.195.598	34.351.092.502
- Chi phí trả trước dài hạn khác	114.581.646	181.546.872
	34.594.132.994	36.156.876.922

(*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 20a.

13 . LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	39.483.074.033	17.249.004.784
- Giá trị lợi thể thương mại phát sinh trong năm	-	22.234.069.249
Số dư cuối năm	39.483.074.033	39.483.074.033
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	18.916.559.978	17.249.004.784
- Số phân bổ, tổn thất trong năm	2.223.406.925	1.667.555.194
Số dư cuối năm	21.139.966.903	18.916.559.978
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	20.566.514.055	-
Số dư cuối năm	18.343.107.130	20.566.514.055

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	127.149.378.479	127.149.378.479	1.331.435.944.206	1.358.742.133.358	99.843.189.327	99.843.189.327
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	70.890.596.786	70.890.596.786	660.684.622.876	672.576.224.254	58.998.995.408	58.998.995.408
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	52.483.594.726	52.483.594.726	237.335.682.838	265.388.866.830	24.430.410.734	24.430.410.734
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	3.775.186.967	3.775.186.967	433.415.638.492	420.777.042.274	16.413.783.185	16.413.783.185
Vay dài hạn đến hạn trả	34.300.000.000	34.300.000.000	34.000.000.000	34.300.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	34.300.000.000	34.300.000.000	34.000.000.000	34.300.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000
	161.449.378.479	161.449.378.479	1.365.435.944.206	1.393.042.133.358	133.843.189.327	133.843.189.327
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	139.722.178.558	139.722.178.558	-	34.300.000.000	105.422.178.558	105.422.178.558
	139.722.178.558	139.722.178.558	-	34.300.000.000	105.422.178.558	105.422.178.558
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(34.300.000.000)	(34.300.000.000)	(34.000.000.000)	(34.300.000.000)	(34.000.000.000)	(34.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	105.422.178.558	105.422.178.558			71.422.178.558	71.422.178.558

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2023	
					USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					892.693,91	58.998.995.408
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 23.4882123/2023-HĐCVHM/NHCT900-MMBD ngày 25 tháng 05 năm 2023	Theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 19/05/2023 đến 18/05/2024	Máy móc thiết bị, hàng hóa tồn kho luân chuyển, nguồn thu luân chuyển (*)	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng dệt may	892.693,91	21.806.286.233
- Hợp đồng cho vay hạn mức Số 23.3150043/2023/2023-HĐCVHM/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 14/08/2023	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng	Quyền sử dụng đất thuộc Dự án nhà máy Wash ; Công trình trên đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy Wash; Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy Wash; Phương tiện vận tải (*)	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm may mặc;	-	37.192.709.175
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương					1.000.426,32	24.430.410.734
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 21.3150006/2021/-HĐCVHM/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 19/01/2021	Theo từng giấy nhận nợ	Đến ngày 26/02/2024	Tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa tồn kho luân chuyển và nguồn thu luân chuyển (*)	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định	1.000.426,32	24.430.410.734
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương					672.420,45	16.413.783.185
- Hợp đồng tín dụng số 01/2023/4675359/HĐTD ngày 30/08/2023	Theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 30/08/2023 đến 31/03/2024	Cầm cố khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng và thế chấp tài sản của Công ty (*)	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, chiết khấu bộ chứng từ, bảo lãnh, mở L/C	672.420,45	16.413.783.185

99.843.189.327

(*) Các khoản vay tại ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2023	
					USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						
- Hợp đồng cho vay dự án số 18.211.0067/2018 -HĐCVDADT-SĐBS09/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 26/10/2021	Lãi suất ngày được điều chỉnh 03 tháng một lần hàng năm	96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên;	Tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án, Máy móc thiết bị thuộc dự án (*)	Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng Nhà máy may mặc sản xuất Jean và phát triển thời trang quy mô 5,75 triệu sản phẩm/năm tại Lô số 20-8, Đường số 8B, KCN Quốc tế Protrade, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	-	105.422.178.558
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng						<u>105.422.178.558</u> (34.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						<u>71.422.178.558</u>

(*) Các khoản vay tại ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên khác				
- Olymp Bezner KG Hopfighemer	3.231.829.494	3.231.829.494	32.784.925.203	32.784.925.203
- Công ty Cổ phần May thêu Phát Đạt	13.683.066.923	13.683.066.923	16.808.518.669	16.808.518.669
- Công ty TNHH Dệt Tường Long	16.045.142.525	16.045.142.525	15.009.297.728	15.009.297.728
- Esquel Enterprises Limited	11.826.947.317	11.826.947.317	4.826.945.900	4.826.945.900
- Phải trả các đối tượng khác	86.712.139.193	86.712.139.193	72.310.315.328	72.310.315.328
	131.499.125.452	131.499.125.452	141.740.002.828	141.740.002.828

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	262.687.376	332.193.812
- Chi phí phải trả khác	289.064.396	204.208.675
	551.751.772	536.402.487

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.452.868.701	3.303.281.256
- Bảo hiểm xã hội	808.193.248	146.728.332
- Bảo hiểm y tế	218.764.251	268.059.987
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.762.350	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	633.307.577	1.281.233.299
	3.117.896.127	4.999.302.874

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	6.206.551.822	3.873.886.692	-	2.332.665.130
- Thuế xuất, nhập khẩu	7.130.718.660	-	11.067.189.745	3.936.471.085	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	171.495.340	45.214.375.671	32.717.280.949	63.575.423.720	171.495.340	14.356.232.900
- Thuế thu nhập cá nhân	-	746.354.634	9.441.026.569	9.722.193.374	34.874.889	500.062.718
- Các loại thuế khác	-	34.835.765	435.517.942	467.343.442	-	3.010.265
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.823.311.653	1.823.311.653	-	-
	7.302.214.000	45.995.566.070	61.690.878.680	83.398.629.966	206.370.229	17.191.971.013

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	120.000.000.000	130.334.259	(1.135.037.967)	89.160.538.502	115.899.251.543	34.676.058	324.089.762.395
Tăng vốn trong năm	127.999.200.000	-	-	(95.448.516.598)	(32.550.683.402)	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	226.307.634.564	(8.573.277.509)	217.734.357.055
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	6.287.978.096	(6.287.978.096)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.528.036.273)	(3.589.467)	(5.531.625.740)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(628.797.810)	-	(628.797.810)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.000.000.000)	-	(30.000.000.000)
Điều chỉnh tăng phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty con tại ngày đạt quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	23.489.303.457	23.489.303.457
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con trong năm	-	-	-	-	(8.162.857.591)	8.162.857.591	-
Giảm khác	-	-	-	-	(1.833.778.773)	(1.761.127)	(1.835.539.900)
Số dư tại ngày 31/12/2022	247.999.200.000	130.334.259	(1.135.037.967)	-	257.214.754.162	23.108.209.003	527.317.459.457
Số dư tại ngày 01/01/2023	247.999.200.000	130.334.259	(1.135.037.967)	-	257.214.754.162	23.108.209.003	527.317.459.457
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	123.382.071.529	(820.759.604)	122.561.311.925
Trích Quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾	-	-	-	59.369.394.731	(59.369.394.731)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽¹⁾	-	-	-	-	(11.873.878.946)	-	(11.873.878.946)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành ⁽¹⁾	-	-	-	-	(1.978.979.824)	-	(1.978.979.824)
Chia cổ tức ⁽¹⁾	-	-	-	-	(74.399.760.000)	-	(74.399.760.000)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con trong năm	-	-	-	-	(13.424.057.723)	(1.866.942.277)	(15.291.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	558.199.529	1.141.512	559.341.041
Số dư tại ngày 31/12/2023	247.999.200.000	130.334.259	(1.135.037.967)	59.369.394.731	220.108.953.996	20.421.648.634	546.894.493.653

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền			
	VND			
Trích Quỹ đầu tư phát triển				59.369.394.731
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi				11.873.878.946
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành				1.978.979.824
Chi trả cổ tức				74.399.760.000
<i>(Tương ứng 30% vốn điều lệ)</i>				
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	47,71	118.314.180.000	47,71	118.314.180.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	39,02	96.775.800.000	39,02	96.775.800.000
- Cổ đông khác	13,27	32.909.220.000	13,27	32.909.220.000
	100	247.999.200.000	100	247.999.200.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
		Năm 2023	Năm 2022	
		VND	VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
- Vốn góp đầu năm		247.999.200.000	120.000.000.000	
- Vốn góp tăng trong năm		-	127.999.200.000	
- Vốn góp cuối năm		247.999.200.000	247.999.200.000	
Cổ tức, lợi nhuận				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm		-	-	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		74.399.760.000	30.000.000.000	
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>		74.399.760.000	30.000.000.000	
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		74.394.997.650	30.000.000.000	
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>		74.394.997.650	30.000.000.000	
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm		4.762.350	-	
d) Cổ phiếu				
		31/12/2023	01/01/2023	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		24.799.920	12.000.000	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		24.799.920	12.000.000	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		24.799.920	12.000.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		24.799.920	12.000.000	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		24.799.920	12.000.000	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.				
e) Các quỹ của công ty				
		31/12/2023	01/01/2023	
		VND	VND	
Quỹ đầu tư phát triển		59.369.394.731	-	
		59.369.394.731	-	

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-9/12 ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2023 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	2.335.000.000	2.335.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	9.950.000.000	9.642.500.000
- Trên 5 năm	16.735.300.000	20.545.300.000
	29.020.300.000	32.522.800.000

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại địa chỉ số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-9/12 ngày 19/12/2018. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê tài sản hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	1.199.462.837	1.423.285.573
- Trên 1 năm đến 5 năm	3.862.187.086	4.126.383.146
- Trên 5 năm	1.145.093.858	2.080.360.635
	6.206.743.781	7.630.029.354

Công ty ký hợp đồng thuê chung cư số 22/HĐ-IMPCO ngày 28/12/2022 với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương tại Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo để sử dụng với mục đích cho cán bộ nhân viên của công ty ở và sinh hoạt. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang ký hợp đồng thuê đất số PICL/SLA.60 ngày 20/02/2018 với Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Protrade tại đường số 8B, số 7, Khu Công nghiệp Quốc tế Protrade, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2018 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 49.227,2 m². Theo hợp đồng này, Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chủng loại, quy cách	Đvt	31/12/2023		01/01/2023	
		Số lượng	Chất lượng	Số lượng	Chất lượng
Vải các loại	Yard	161.567,41	Bình thường	155.786,96	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại		31/12/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)		1.803.111,46	5.413.710,04
21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm		1.472.411.321.844	1.847.278.878.375
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công		92.034.707.175	43.373.597.935
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu		1.356.318.988	3.339.594.767
		1.565.802.348.007	1.893.992.071.077
22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Giảm giá hàng bán		5.877.210.206	394.323.800
		5.877.210.206	394.323.800
23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán		1.202.953.815.117	1.496.556.898.582
Giá vốn dịch vụ gia công		88.115.785.946	40.863.445.820
Giá vốn của nguyên liệu, phế liệu đã bán		2.682.335.159	2.674.216.346
		1.293.751.936.222	1.540.094.560.748
24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng		8.810.798.063	4.194.585.744
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm		34.404.208.324	52.950.769.037
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm		544.920	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		41.795.862	57.581.796
Doanh thu hoạt động tài chính khác		-	10.799.405.063
		43.257.347.169	68.002.341.640
25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Lãi tiền vay		17.051.343.034	16.140.684.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm		17.248.263.368	30.726.630.122
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm		1.682.919.540	5.623.866.818
		35.982.525.942	52.491.181.203
26 . PHẦN LÃI/ LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang		-	1.598.499
		-	1.598.499

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	4.839.698.381	5.625.272.581
Chi phí nhân công	828.462.499	748.431.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.309.632	34.732.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.991.505.524	22.250.799.100
Chi phí khác bằng tiền	140.481.644	112.630.184
	19.846.457.680	28.771.865.239

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng quản lý	2.621.693.552	869.366.797
Chi phí nhân công	74.643.949.957	50.294.604.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.689.821.422	1.550.225.711
Chi phí dự phòng	87.750.000	243.793.174
Thuế, phí, lệ phí	4.618.987.512	2.903.938.114
Phân bổ lợi thế thương mại	2.223.406.925	1.667.555.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.614.905.686	7.090.078.732
Chi phí khác bằng tiền	3.147.272.260	3.308.065.737
	96.647.787.314	67.927.628.096
	108.603.057	48.065.831

Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40).

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	439.475.501	4.041.473.205
Thu nhập từ bán phế liệu, thanh lý công cụ dụng cụ	20.744.270	165.633.134
Tiền hỗ trợ hàng mẫu	3.209.843.414	2.368.936.302
Tiền bồi thường nhận được	4.382.201.897	4.143.071.819
Thu nhập khác	270.637.602	147.319.110
	8.322.902.684	10.866.433.570

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý vật tư	-	2.172.964.152
Các khoản bị phạt, truy thu	6.533.476.820	161.595.215
Chi phí khác	312.771.166	1.175.624.342
	6.846.247.986	3.510.183.709

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	32.308.102.363	53.364.215.232
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	-	1.216.948.341
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang	-	-
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	-	1.216.948.341
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	32.308.102.363	54.581.163.573

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	22.047.014.313	18.485.996.091
	22.047.014.313	18.485.996.091

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3.561.018.222	7.357.181.363
	3.561.018.222	7.357.181.363

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	123.382.071.529	226.307.634.564
Các khoản điều chỉnh	-	(13.852.858.770)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành ⁽¹⁾	-	(13.852.858.770)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	123.382.071.529	212.454.775.794
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	24.799.920	24.799.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.975	8.567

⁽¹⁾ Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Công ty mẹ đã thông qua phương án trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ Lợi nhuận sau thuế năm 2022, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 trên báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể như sau:

	Năm 2022	
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	226.307.634.564	226.307.634.564
Các khoản điều chỉnh	(15.841.534.419)	(13.852.858.770)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	(15.841.534.419)	(13.852.858.770)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	210.466.100.145	212.454.775.794
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	24.799.920	24.799.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.487	8.567

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	775.848.539.956	863.334.123.336
Chi phí nhân công	398.666.628.607	382.246.035.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.791.608.048	32.901.443.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.531.271.543	271.085.368.163
Chi phí khác bằng tiền	8.585.235.194	7.859.615.919
Chi phí dự phòng	87.750.000	243.793.174
	1.404.511.033.348	1.557.670.379.439

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	69.325.531.359	-	-	69.325.531.359
Phải thu khách hàng, phải thu khác	217.757.280.249	401.733.066	-	218.159.013.315
Các khoản cho vay	166.744.272.248	-	-	166.744.272.248
	453.827.083.856	401.733.066	-	454.228.816.922
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	166.841.673.406	-	-	166.841.673.406
Phải thu khách hàng, phải thu khác	190.067.603.003	407.733.066	-	190.475.336.069
Các khoản cho vay	119.594.791.699	-	-	119.594.791.699
	476.504.068.108	407.733.066	-	476.911.801.174

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Các khoản vay	133.843.189.327	71.422.178.558	-	205.265.367.885
Phải trả người bán, phải trả khác	134.617.021.579	-	-	134.617.021.579
Chi phí phải trả	551.751.772	-	-	551.751.772
	269.011.962.678	71.422.178.558	-	340.434.141.236
Tại ngày 01/01/2023				
Các khoản vay	161.449.378.479	105.422.178.558	-	266.871.557.037
Phải trả người bán, phải trả khác	146.739.305.702	-	-	146.739.305.702
Chi phí phải trả	536.402.487	-	-	536.402.487
	308.725.086.668	105.422.178.558	-	414.147.265.226

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.331.435.944.206	1.641.533.446.994
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.393.550.552.235	1.792.987.679.505

37 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 thông qua kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2023 với mức không quá 3,5%/lợi nhuận sau thuế. Trong năm 2023, Công ty thực hiện tạm trích và ghi nhận thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2023 vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

	Năm 2023
	VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (không bao gồm thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2023):	123.790.276.517
Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2023 tạm tính (3,5%/lợi nhuận sau thuế):	4.332.659.678
<i>Trong đó:</i>	
- Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2023 (trực tiếp điều hành) tạm tính:	1.003.848.678
- Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2023 (không trực tiếp điều hành) tạm tính:	3.328.811.000

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi trả cổ tức	64.526.994.000	23.667.047.500
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	35.494.254.000	14.667.047.500
- Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	29.032.740.000	9.000.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	108.603.057	48.065.831
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	108.603.057	48.065.831

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập tại Công ty mẹ	
		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
- Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.211.179.000	407.083.000
- Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	908.385.000	305.313.000
- Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	605.590.000	361.294.000
- Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	605.590.000	203.542.000
- Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị	605.590.000	1.075.357.354
- Ông Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc	2.095.727.310	2.116.706.714
- Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc	1.962.923.463	1.904.769.600
- Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	505.443.000	188.640.000
- Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên Ban kiểm soát	505.443.000	188.640.000
- Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 31/07/2022)	262.082.000	125.760.000
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 28/02/2022)	112.321.000	125.760.000

Ngoài các giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Minh Thùy

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Thùy

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

